TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYỆN KIÊN HẢI - TỈNH KIÊN GIANG	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **01**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15-01-2025
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN HẢI, TỈNH KIÊN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phan Văn Tịnh.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đặng Tùng Long
2. Bà Lê Kim Thùy
- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Viết Hạnh - Thư ký Tòa án.

Trong ngày 15 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải, xét xử sơ thẩm công Ki vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 52/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc: "*Xin ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 23/12/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Cẩm H, sinh năm 1986; địa chỉ thường trú: Ấp III, xã HT, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1980; địa chỉ thường trú: Ấp III, xã HT, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang. (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời Ki trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị Cẩm H trình bày:

- Về hôn nhân: Bà H và ông N kết hôn với nhau vào năm 2002 trên cơ sở tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương, đến năm 2010 đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòn Tre, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang. Quá trình chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do cuộc sống không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn cải nhau, không có trách nhiệm với nhau, dẫn đến tình cảm ngày càng phai nhạt nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông N.

- Về con chung: Quá trình chung sống với nhau có được 03 người con chung tên Huỳnh Thị Kiều K, sinh ngày 21/05/2004, L, sinh ngày 20/01/2008 và I, sinh

ngày 07/05/2010. Hiện nay con lớn Huỳnh Thị Kiều K đã có gia đình riêng, còn L và I đang sống chung với ông N nên yêu cầu tiếp tục giao hai con cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng không tạo lập được tài sản chung và cũng không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại đơn xin vắng mặt hòa giải và xét xử đề ngày 23/12/2024 của ông Huỳnh Văn N trình bày ý kiến:

- Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H.

- Về con chung: Đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung là L, sinh ngày 20/01/2008 và I, sinh ngày 07/05/2010 cho đến khi trưởng thành, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu.

3. Tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được như sau: Giấy chứng nhận kết hôn (bản gốc); Giấy Ki sinh của L và I (bản sao).

Từ khi thụ lý vụ án đến ngày xét xử sơ thẩm Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Huỳnh Văn N do đi lại khó khăn nên ngày 23/12/2024 ông N có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông Huỳnh Văn N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông N kết hôn với nhau vào năm 2002 được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán ở địa phương. Đến năm 2010 đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái với đạo đức xã hội nên theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do hai người không quan tâm nhau, thường xuyên mâu thuẫn cự cải, dẫn đến tình cảm ngày càng phai nhạt, hai người sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng trong thời gian ly thân vợ chồng không có biện pháp hàn gắn tiếp tục chung sống với nhau, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà H yêu cầu ly hôn với ông N nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có cơ sở để chấp nhận.

[2] Xét về quyền nuôi con chung: Qua quá trình giải quyết vụ án cho thấy bà H và ông N có được 03 người con chung tên Huỳnh Thị Kiều K, sinh ngày 21/05/2004, L, sinh ngày 20/01/2008 và I, sinh ngày 07/05/2010. Bà H yêu cầu

giao hai con cho ông N tiếp tục nuôi dưỡng là L, sinh ngày 20/01/2008 và I, sinh ngày 07/05/2010 cho đến khi trưởng thành, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng người con lớn Huỳnh Thị Kiều K đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không yêu cầu. Ông N vắng mặt phiên tòa nhưng có ý kiến trình bày cũng thống nhất nuôi con, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị Cẩm H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0004221 ngày 10/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang. Bà H đã nộp xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 02 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho bà Phạm Thị Cẩm H được ly hôn với ông Huỳnh Văn N.

2. Về con chung: Xử giao cho ông Huỳnh Văn N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 người con chung là L, sinh ngày 20/01/2008 và I, sinh ngày 07/05/2010 cho đến khi trưởng thành, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Phạm Thị Cẩm H có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về chia tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị Cẩm H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0004221 ngày 10/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang. Bà H đã nộp xong.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản ản được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Các Điều 7a,7b Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện Kiên Hải;*
- *Chi cục THADS Kiên Hải;*
- *UBND xã nơi đăng ký kết hôn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Văn Tịnh